

# CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CHO NỀN KINH TẾ KHI VIỆT NAM GIA NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

HOÀNG NGỌC HẢI \*

**Tóm tắt:** Việt Nam tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đã mở ra nhiều cơ hội trong quan hệ thương mại và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Điều này đã thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa phát triển; không chỉ giúp Việt Nam hút thêm vốn FDI từ các nước phát triển mà còn có khả năng thu hút vốn từ các nước trong khu vực để gia tăng hiệu ứng kết nối từ cộng đồng chung. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi thế đã có, Việt Nam vẫn rất cần đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và cải cách thủ tục hành chính để tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Điều này sẽ giúp cho Việt Nam tận dụng được những cơ hội và vượt qua những thách thức từ việc hình thành cộng đồng chung AEC. Còn nếu chỉ thụ động thì khả năng Việt Nam bị các nước trong khu vực cạnh tranh thu hút vốn là điều khó tránh khỏi. AEC không cho Việt Nam điều gì ngoài cơ chế, "Việc được mất là do sự chuẩn bị của Việt Nam".

**Từ khóa:** Cộng đồng kinh tế ASEAN - AEC, Đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI, Hội nhập kinh tế.

Hội nhập luôn mang đến cả cơ hội và thách thức. Gắn liền với chúng là những được và mất cho các nước tham gia vào quá trình này. Sự hình thành của Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) cũng không phải ngoại lệ. Các nghiên cứu đã có về tác động của hội nhập đối với các nước tham gia đều cho thấy một dự báo đáng khích lệ rằng Việt Nam sẽ là nước được hưởng lợi nhiều nhất về kinh tế trong số 10 nước tham gia. Tuy nhiên, để những hứa hẹn đó thành sự thật, Việt Nam cần tận dụng tối đa những cơ hội cũng như vượt qua được những thử thách hội nhập, thực sự hòa nhập với khu vực và thế giới, tiếp tục tiến hành những thay đổi nền tảng về cấu trúc kinh tế, thể chế và chính sách quản lý.

## 1. Tổng quan về cộng đồng kinh tế ASEAN

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được thành lập vào năm 1967, cho đến nay gồm 10 nước thành viên: Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan, Brunei, Myanmar, Campuchia, Lào và Việt Nam. Với mục tiêu phát triển ASEAN thành một khu vực ổn định, thịnh vượng, cạnh tranh với sự phát triển công bằng, giảm đói nghèo và bất

bình đẳng kinh tế - xã hội, tại Hội nghị Bali diễn ra vào tháng 10/2003, các nhà lãnh đạo ASEAN đã đưa ra tuyên bố về việc thành lập Cộng đồng Kinh tế ASEAN vào năm 2020. Tuy nhiên, đến Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 12 vào tháng 01/2007 đã ký kết Tuyên bố Cebu với mục tiêu về thời điểm thành lập AEC được đẩy lên năm 2015, cùng với mức độ hội nhập kinh tế trong ASEAN sâu rộng hơn. Mục tiêu của AEC là thúc đẩy kinh tế phát triển một cách công bằng, thiết lập khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao, tạo điều kiện cho ASEAN có thể hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu. Nói cách khác, với đặc điểm thay thế nhau trong sản phẩm chứ không phải bổ sung cho nhau, tham vọng chính của các nước ASEAN khi thành lập AEC không giới hạn trong nội khối mà nhằm thu hút dòng đầu tư từ ngoại khối vào một khu vực thống nhất và tự do về hàng hóa, vốn cũng như lao động. Tại Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 14 tại Thái Lan, các nhà lãnh đạo ASEAN đã ký Tuyên bố Cha-am/Hua Hin về Lộ trình xây dựng Cộng đồng ASEAN và thông qua Kế hoạch Tổng thể xây dựng AEC đến năm 2015, quy định cụ thể các biện pháp nhằm xây dựng bốn trụ cột của AEC:

\* Tiến sĩ, Học viện Chính trị Khu vực I.

- Trụ cột thứ nhất: Thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất;

Trụ cột này nhằm hướng tới mục tiêu: Dòng hàng hóa tự do; Dòng dịch vụ tự do; Dòng đầu tư tự do; Dòng vốn tự do hơn; Dòng lao động tự do; Các ngành ưu tiên trong hội nhập gồm: Thực phẩm, Nông nghiệp và Lâm nghiệp

- Trụ cột thứ hai: Khu vực kinh tế cạnh tranh;

Trụ cột này nhằm hướng tới mục tiêu: Chính sách cạnh tranh; Bảo vệ người tiêu dùng; Quyền sở hữu trí tuệ; Phát triển cơ sở hạ tầng; Chính sách thuế; Thương mại điện tử

- Trụ cột thứ ba, Phát triển kinh tế đồng đều;

Trụ cột này nhằm hướng tới mục tiêu: Phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ; Tiến đề cho Hội nhập ASEAN

- Trụ cột thứ tư, Hội nhập vào kinh tế thế giới.

Trụ cột này nhằm hướng tới mục tiêu: Phương hướng thống nhất trong các mối quan hệ kinh tế ngoại khối; Nâng cao sự tham gia trong mạng lưới cung ứng toàn cầu.

Có nhiều cấp độ liên kết kinh tế giữa các quốc gia hay một nhóm các quốc gia, từ cấp độ hợp tác theo dự án đến việc mở cửa từng phần hay hoàn toàn các hoạt động kinh tế trong một nhóm nước nhất định. Cấp độ cao nhất của liên kết là sự hình thành một khối hay khu vực kinh tế gồm nhiều quốc gia thành viên, trong đó có một hệ thống các quy tắc mang tính pháp lý, hoặc hệ thống pháp lý thực sự, cùng với sự

thành lập các cơ quan có quyền lực pháp lý thực sự quản trị các giao lưu kinh tế trong khối. Cấp độ liên kết cao nhất của một khối được cho là phải có chung một đồng tiền, do đó, phải có chung một ngân hàng trung ương.

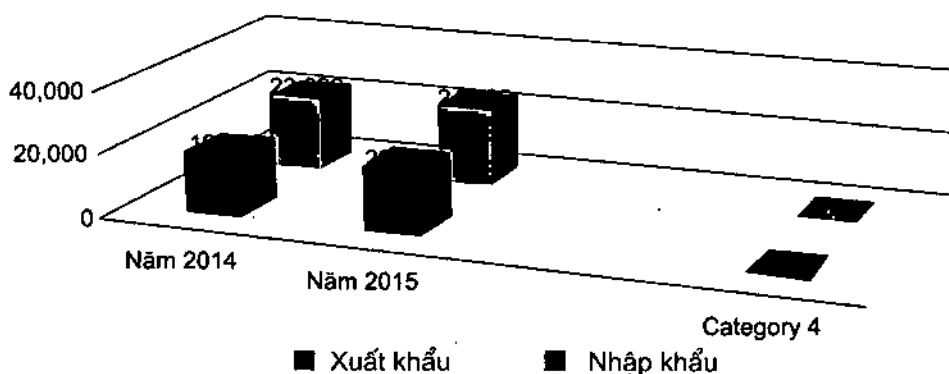
Xét theo quan điểm này, thì AEC đang ở vào trình độ liên kết cộng đồng ở mức khá thấp. AEC chủ yếu chỉ là sự liên kết, hợp tác giữa các chính phủ trong ASEAN trong việc mở cửa và tự do hóa nhiều hơn đối với thương mại, đầu tư và di cư lao động trong nội khối. Vì vậy, mặc dù mục tiêu thành lập AEC như miêu tả ở trên là rất tham vọng và toàn diện thể hiện rõ qua 4 trụ cột. Tuy nhiên, trong khung khổ bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung vào nghiên cứu một số nhân tố thuộc trụ cột thứ nhất về dòng thương mại của hàng hóa, dịch vụ và dòng đầu tư tự do.

## **2. Cơ hội trong quan hệ thương mại và thu hút đầu tư khi Việt Nam tham gia cộng đồng ASEAN**

### **2.1. Thực trạng quan hệ thương mại Việt Nam - AEC**

Cả xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam với các nước trong khu vực đều cho thấy sự thay đổi về tỷ trọng theo hướng giảm dần. Về giá trị tuyệt đối, xuất khẩu Việt Nam vẫn liên tục tăng qua các năm, tuy nhiên, tỷ trọng trong tổng xuất khẩu sang các nước AEC lại giảm dần qua các năm. Trong năm 2014, mức xuất khẩu này đạt 19,04 tỷ USD và chiếm 12,7% trong tổng xuất khẩu của Việt Nam; Năm 2015, mức xuất khẩu đạt 20,026 tỷ đô.

**Hình 1: Diễn biến xuất nhập khẩu Việt Nam - AEC 2014 - 2015**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục thống kê 2014, 2015.*

Tuy nhiên, trái với kỳ vọng sau 5 tháng kể từ khi AEC có hiệu lực (5/2016), kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam vào thị trường ASEAN đều giảm, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 5/2016, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường ASEAN đạt 6,8 tỷ USD, giảm 13,5%. Kim ngạch nhập khẩu từ ASEAN chỉ đạt 9,4 tỷ USD, giảm 4,2%.

Khác với thị trường khác, thương mại của Việt Nam với các nước trong khu vực không tập trung vào các mặt hàng may mặc, giày dép mà tập trung nhiều hơn vào các sản phẩm: sắt thép; cao su, plastic, thủy tinh và các sản phẩm của chúng; gỗ, giấy và các mặt hàng bằng gỗ, các sản phẩm làm từ bột giấy; bên cạnh các mặt hàng có thể mạnh như các sản phẩm máy móc, thiết bị điện,

ghi âm; nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm từ chúng.

**2.2. Thực trạng đầu tư trực tiếp từ các nước AEC vào Việt Nam thời gian qua**

Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, trong các thành tựu trên lĩnh vực kinh tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng, là một trong những động lực tăng trưởng kinh tế đất nước.

Tính đến ngày 31/12/2015, tổng vốn đăng ký FDI đạt 260 tỷ USD, vốn thực hiện đạt 139 tỷ USD, chiếm 53,5% vốn đăng ký. FDI có nhiều ưu thế trong huy động và tạo ra các tác động tích cực đối với việc huy động các nguồn vốn khác, đồng thời kích thích thu hút vốn đầu tư trong nước.

**Bảng 1: Nguồn vốn FDI đăng ký từ 2010 – 2015**

Năm	Số dự án	Vốn đăng ký (Triệu USD)	Quy mô (Triệu USD)/dự án	So với năm trước		
				Số dự án	Vốn đăng ký	Quy mô
2010	1240	19886.8	15.94	102.6%	85.5%	83.3%
2011	1091	15618.7	13.47	88.0%	74.4%	84.5%
2012	1287	16348.0	12.70	117.9%	104.6%	94.2%
2013	1530	22352.2	14.60	118.8%	136.7%	114.9%
2014	1843	20230.0	11.89	120.4%	91.0%	81.4%
2015	2120	22757.0	11.37	115%	112.0%	95.6%

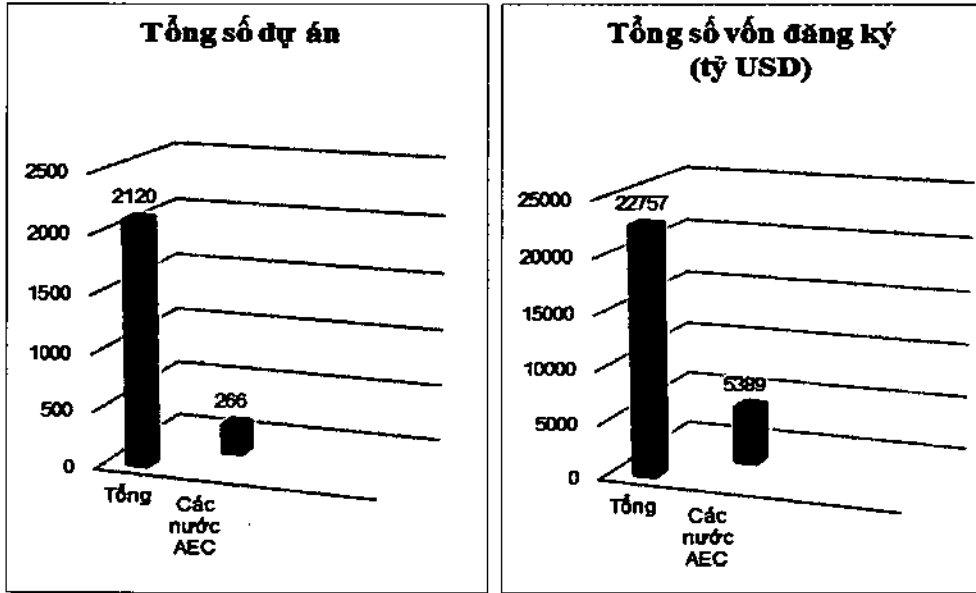
*Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê và Cục Đầu tư nước ngoài.*

Nguồn vốn đó chủ yếu đến từ các nước châu Á như: Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, Singapore (chiếm 71,6%) - trong đó FDI đến từ Nhật Bản chiếm tỷ trọng lớn tới 32,6%. Các nước châu Âu như Đức, Pháp, Anh, Italia (chiếm 9,2%), châu Mỹ gồm Mỹ, Canada (chiếm 7,7%), còn lại là các đối tác khác. Hàng năm, bình quân vốn FDI thực hiện chiếm

khoảng 25% vốn đầu tư xã hội. Đây là nguồn vốn quan trọng hỗ trợ cho sự phát triển kinh tế.

Xét cả về số vốn đăng ký và số dự án, các nước trong khối AEC là những nhà đầu tư không lớn vào Việt Nam so với các nước trong khu vực. Tính lũy kế các dự án còn hiệu lực, mức độ đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước ASEAN chưa bằng một nửa các nước trong khu vực.

Hình 2: Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2015)

Tính đến tháng 4 năm 2016 FDI vào Việt Nam ước tính đạt 4,7 tỷ USD, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút đầu tư nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt hơn 5,2 tỷ USD, chiếm 76,2% tổng vốn đăng ký... Cả nước có 41 tỉnh, thành phố có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp phép mới trong 4 tháng đầu năm (Báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Lĩnh vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng cho thấy, đầu tư nội khối chiếm tỷ trọng rất thấp trong dòng đầu tư vốn FDI có nguồn gốc từ ASEAN. Năm 2015 tổng dòng vốn FDI của ASEAN trong nội khối chỉ chiếm 18,9%. Phần còn lại 81% dòng FDI là ra bên ngoài khối. Nếu so với Khu vực đồng tiền chung châu Âu (Eurozone) thì dòng vốn FDI nội khối trong giai đoạn 1993-2007 ở mức trung bình là 58% tổng dòng FDI có nguồn gốc từ các nước thành viên.

Như vậy, so với tiềm năng, lợi thế và xu hướng thì dòng FDI này vẫn còn khá khiêm tốn so với dòng đầu tư từ khối ra bên ngoài. Nói cách khác, sự đột phá tạo ra sự mở rộng dòng vốn FDI trong

nội bộ ASEAN nhờ thành lập AEC sẽ là điều khả thi. Đối với Việt Nam nói riêng, Việt Nam hưởng lợi từ đầu tư FDI vào khối là không nhiều, trong khi dòng FDI từ trong nội khối vào Việt Nam có thể tăng lên đáng kể.

Rõ ràng, trong bối cảnh hiện nay FDI có vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Những con số trên cho thấy, Việt Nam đã khá thành công trong thu hút vốn FDI. Việt Nam hiện đang có những thời cơ thuận lợi để trở thành điểm đến đầu tư mang tính chiến lược cho các Tập đoàn đa quốc gia cũng như rất nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ.

### 3. Thúc đẩy thương mại và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam sau gia nhập AEC

#### 3.1. Thúc đẩy thương mại của Việt Nam

Các nước ASEAN chú trọng tự do hóa lĩnh vực thương mại hàng hoá và thương mại dịch vụ. Theo đó, trong thời gian tới, các thành viên ASEAN sẽ tham gia lộ trình cắt giảm thuế trong CEPT-ATIGA; cải cách hải quan và các biện pháp tạo thuận lợi thương mại khác. Hướng tới tự do hóa thương mại dịch vụ, các nước ASEAN sẽ

tiến hành đàm phán 11 gói cam kết cho các lĩnh vực dịch vụ được ASEAN ưu tiên tự do hoá gồm: ASEAN điện tử (e-ASEAN), y tế, logistics, hàng không và du lịch. Hiện nay, các nước ASEAN đã đạt được 8 gói cam kết về dịch vụ, 5 gói cam kết dịch vụ tài chính và 7 gói dịch vụ vận tải đường hàng không.

Là thành viên tích cực của ASEAN, Việt Nam đã cam kết cắt giảm thuế của Việt Nam trong CEPT-ATIGA, Việt Nam sẽ cắt giảm thuế về 0% cho tất cả các mặt hàng trao đổi trong ASEAN (ngoại trừ các mặt hàng trong Danh mục loại trừ chung) với lộ trình cho hầu hết các dòng thuế là tới năm 2018. Hải quan điện tử là một nội dung quan trọng đang được thực hiện nhằm các mục tiêu trên. Việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử ở Việt Nam về cơ bản đã đạt được các mục tiêu như rút ngắn thời gian thông quan, và giảm các yêu cầu về các giấy tờ kê khai. Việt Nam cũng đang xây dựng và hoàn thiện chương trình Một cửa quốc gia (Vietnam's National Single Window - VNSW) nhằm tạo thuận lợi tối đa cho thương mại.

Việt Nam cũng đang nỗ lực đơn giản hoá hệ thống các giấy phép, giấy chứng nhận bao gồm giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, giấy chứng nhận xuất xứ (C/O), giấy chứng nhận vệ sinh kiểm dịch, giấy chứng nhận an toàn thực phẩm. Các nỗ lực này thể hiện qua hệ thống eCoSys (hệ thống xin cấp C/O qua mạng) cũng như việc cấp phép nhập khẩu tự động. Hướng tới tự do hóa dịch vụ, Việt Nam đã tiến hành sửa đổi và ban hành một số Luật liên quan như Luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Thương mại, Luật doanh nghiệp và ban hành nhiều Nghị định, văn bản hướng dẫn thực hiện các Luật này.

AEC sẽ là cơ hội lớn để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, nhanh chóng bắt nhịp với xu thế và trình độ phát triển kinh tế của khu vực và thế giới. AEC được thành lập đánh dấu sự hội nhập toàn diện các nền kinh tế 10 nước Đông Nam Á, tạo ra thị trường chung của một khu vực có dân số 600 triệu người và GDP hàng năm khoảng 2.000 tỉ USD. AEC ra đời

cùng với việc Việt Nam mở rộng các hiệp định tự do thương mại sẽ tạo động lực giúp các doanh nghiệp mở rộng giao thương, thu hút đầu tư, đẩy mạnh xuất khẩu, cắt giảm chi phí nhập khẩu, hạ giá thành sản phẩm, tiếp cận các thị trường rộng lớn hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi lớn, AEC ra đời, các doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức. Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập mạnh mẽ, các nước sẽ mở rộng thị trường xuất khẩu cho hàng hóa của Việt Nam nhưng đồng thời Việt Nam cũng phải mở cửa cho hàng hóa cạnh tranh của các nước. Những doanh nghiệp có lợi thế xuất khẩu sẽ ngày càng lớn mạnh hơn, trong khi doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh yếu đối với hàng hóa nhập khẩu sẽ gặp thách thức nghiêm trọng. Với thực trạng đa số doanh nghiệp của Việt Nam là doanh nghiệp nhỏ, thậm chí siêu nhỏ xét trên quy mô lao động, công nghệ không cao, năng lực cạnh tranh hạn chế, bước vào "sân chơi" AEC, các doanh nghiệp Việt Nam đối mặt không ít khó khăn, thách thức. Điều đó đòi hỏi Việt Nam cần có những giải pháp hữu hiệu và khả thi. Đó là:

*Thứ nhất*, để tránh tình trạng nhập khẩu gia tăng, Việt Nam cần có những chính sách hỗ trợ hợp lý để thúc đẩy phát triển những ngành có lợi thế so sánh nhằm tăng năng suất và tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu. Với những ngành sẽ mở rộng sau AEC, nhân tố quan trọng nhất là đảm bảo sự dịch chuyển tự do của các nguồn lực sản xuất như lao động, vốn, đất đai và các tài nguyên khác để các ngành này có thể tiếp cận chúng. Với những ngành kém lợi thế sau hội nhập, đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành nhằm tăng hiệu quả cũng là một định hướng cần được quan tâm hơn. Chính phủ cũng cần cân nhắc các chính sách hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển, tạo điều kiện gia tăng giá trị cho hàng hóa xuất khẩu, thay vì gia công là chủ yếu như hiện nay. Điều này nhằm giúp các doanh nghiệp có vị trí nhất định trong chuỗi sản xuất toàn cầu.

*Thứ hai*, việc tham gia các Hiệp định thương mại tự do ngày nay không những đòi hỏi các nước tham gia phải cắt giảm thuế quan, mà ngày càng quan tâm hơn các vấn đề cắt giảm hàng rào phi thuế quan như cắt giảm chi phí vận chuyển, thủ tục chờ đợi nhập khẩu... AEC hướng tới việc hình thành một thị trường chung cho toàn bộ các nước thành viên đồng thời tái định hình cấu trúc các luồng thương mại. Bởi vậy, khi tham gia AEC Việt Nam cần phải điều chỉnh cả những yếu tố không phải yếu tố thương mại như những nội dung liên quan tới lao động, quyền sở hữu trí tuệ... Do đó, việc thực hiện các cam kết trong AEC đòi hỏi những thay đổi về chính sách và luật pháp trong nước.

*Thứ ba*, AEC có xu hướng tiến tới cắt giảm hoàn toàn hàng rào thuế quan, đưa mức thuế nhập khẩu về 0% đối với hầu hết các nhóm hàng hóa. Chính vì vậy các nước sẽ có xu hướng áp dụng các hàng rào kỹ thuật thay thế để bảo vệ các ngành sản xuất nội địa của mình. Hiện nay, trình độ và công nghệ liên quan đến việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật của Việt Nam còn rất hạn chế. Do vậy, biện pháp này chưa được Việt Nam áp dụng triệt để trong khi một số mặt hàng của nước ta sau khi không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật do một số nước đặt ra đã phải trả về. Để cải thiện tình trạng này, Chính phủ cần tăng cường hỗ trợ nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật hợp lý khi mà các hàng rào thuế quan bị dỡ bỏ nhằm bảo vệ sản xuất trong nước đối với những ngành cần được khuyến khích và đồng thời hỗ trợ các nhà xuất khẩu của Việt Nam trong việc đáp ứng các điều kiện về kỹ thuật khi xuất sang các nước bạn hàng.

Như vậy, xét trên góc độ lý thuyết, tham gia AEC, Việt Nam có thể đẩy mạnh xuất khẩu sang các nước trong khu vực nhưng để lý thuyết trở thành thực tiễn đòi hỏi phải có sự vào cuộc quyết liệt của cả Nhà nước, Doanh nghiệp và Cộng đồng.

*3.2. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam*

Trong lĩnh vực tự do hóa đầu tư, ASEAN chú trọng thúc đẩy đầu tư nội khối thông qua Hiệp định đầu tư toàn diện ASEAN (ACIA) với mục tiêu là tạo ra một cơ chế đầu tư tự do, mở cửa trong ASEAN được thực hiện thông qua từng bước tự do hóa đầu tư; tăng cường bảo vệ nhà đầu tư của các nước thành viên và các khoản đầu tư của họ; cải thiện tính minh bạch và khả năng dự đoán của các quy tắc, quy định và thủ tục đầu tư; xúc tiến, hợp tác tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi và thống nhất. Hiện nay Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới trên nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, tăng trưởng cao hơn và kiểm soát tốt lạm phát. Năm 2014, GDP tăng gần 6%, trong năm 2015 tăng khoảng 6,68%, trong giai đoạn 2016-2020, dự kiến tăng trưởng của Việt Nam sẽ đạt từ 6,5-7%. Kim ngạch thương mại 2011-2015 tăng bình quân khoảng 15%/năm. Tỷ giá, lãi suất ổn định; dự trữ ngoại tệ đảm bảo an toàn ở mức trên 12 tuần nhập khẩu; nợ công đang ở mức 66,1% và được kiểm soát chặt chẽ.

Việc Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) được thành lập vào đầu năm 2016, với các hiệp định chung về điều chỉnh đầu tư (Hiệp định Đầu tư toàn diện ASEAN - ACIA), thương mại (Hiệp định Thương mại hóa ASEAN - ATIGA) và dịch vụ (Hiệp định Khung ASEAN về dịch vụ - AFAS), sẽ làm tăng sức hấp dẫn của khu vực này trong thu hút đầu tư.

ASEAN hiện đang là tâm điểm chú ý của các nhà đầu tư nước ngoài, do vậy Việt Nam sẽ vừa có khả năng thu hút vốn nước ngoài từ hiệu ứng chung của khu vực sau thành lập AEC, vừa có khả năng gặp cạnh tranh mạnh ở các nước do có khá nhiều nét tương đồng về lợi thế cạnh tranh trong khu vực trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Việt Nam hiện vẫn có một số lợi thế nhất định trong cạnh tranh thu hút đầu tư như môi trường xã hội, ổn định, lực lượng lao động có tay nghề với chi phí khá thấp, hạ tầng đang được đầu tư khá tốt như năng lượng, cảng, đường giao thông; có thị trường tiêu thụ lớn. Tuy nhiên, những lợi thế đó chỉ mang tính tương

đối. Do vậy, còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết để biến cơ hội gia nhập AEC thành hiện thực trong thu hút đầu tư nước ngoài.

*Thứ nhất, tạo lập môi trường đầu tư thân thiện:*

Việt Nam cần phải nhìn nhận rằng môi trường đầu tư của Việt Nam chưa hấp dẫn. Thách thức của Việt Nam là làm sao giữ chân các cơ sở hiện có của các công ty đa quốc gia và tạo cơ hội để các công ty đa quốc gia đầu tư vào Việt Nam.

Đã đến lúc cần có những chỉ dẫn gắn với các quy định của Chính phủ về lĩnh vực, ngành nghề, dự án cần được liên doanh giữa nhà đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp Việt Nam, giữa các nhà đầu tư nước ngoài với nhau trên cơ sở bảo đảm rằng, việc khuyến khích đầu tư nước ngoài không gây trở ngại đối với chủ trương hình thành doanh nghiệp trong nước ngày càng lớn mạnh, đủ sức làm chủ thị trường trong nước và từng bước có chỗ đứng vững chắc trên thị trường khu vực và thế giới.

*Thứ hai, nâng cao hiệu quả thu hút nguồn vốn FDI*

- Có định hướng rõ ràng đối với các nhà đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp trong nước nhằm nâng cao chất lượng thu hút đầu tư nước ngoài gắn với việc xử lý mối quan hệ giữa thị trường trong nước với xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, tạo ra những sản phẩm mới, chất lượng cao, duy trì cạnh tranh trên thị trường;

- Chú trọng phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ để giảm bớt việc nhập khẩu nguyên liệu ở nước ngoài, tạo điều kiện cho các ngành công nghệ chế tạo, chế biến phát triển, hạn chế đầu tư nước ngoài vào các ngành gia công, các mặt hàng có giá trị gia tăng thấp, các ngành sử dụng nhiều năng lượng và tài nguyên;

- Cần tăng cường sự liên kết, hợp tác giữa doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp trong nước để hỗ trợ nhau cùng phát triển.

- Thu hút đầu tư nước ngoài với kinh tế vùng và địa phương cần được điều chỉnh về quan điểm, nhận thức để có giải pháp đúng. Việc phân bổ nguồn lực cần được điều chỉnh theo hướng vừa tạo ra một số đầu tàu kinh tế ở những địa phương có sức lôi kéo kinh tế vùng và cả nước, nhưng lại

phải điều phối hợp lý để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở những địa phương chậm phát triển, chưa có môi trường thuận lợi hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài.

- Cần có chính sách ưu tiên, đặc thù cho một số địa phương phù hợp thực tế để dần thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, miền trong thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn nói riêng và cả nước nói chung.

- Xây dựng danh mục đầu tư quốc gia và kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài cho giai đoạn 2016-2020 và những năm tiếp theo. Xây dựng văn bản pháp quy về công tác xúc tiến đầu tư nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất trong công tác quản lý nhà nước, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến đầu tư. ☒

**Tài liệu tham khảo**

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2013), Báo cáo Tổng kết 25 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, Hà Nội.
2. Cục Đầu tư nước ngoài, (2015) Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài 12 tháng năm 2015. Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3. Tổng cục Thống kê (2015), Niên giám thống kê, Nxb Thống kê.
4. Phùng Xuân Nhạ (2013), Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: Lý luận và Thực tiễn, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
5. Kỷ yếu hội thảo khoa học về “Chủ trương, chính sách mới thu hút mạnh mẽ các nguồn lực bên ngoài”; Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 12/2013...
6. Lê Xuân Sang; Vũ Hoàng Dương (2015) Nhìn lại luồng vốn FDI vào Việt Nam sau gần 30 năm Đổi mới: Kết quả, vấn đề và định hướng chính sách, Kỷ yếu hội thảo 30 kinh tế Việt Nam.
7. Nguyễn Đức Thành và Nguyễn Thị Thu Hằng (2015) Tác động của TPP và AEC lên nền kinh tế Việt Nam - Các khía cạnh vĩ mô và ngành chăn nuôi, Nxb Thế giới.
8. Nguyễn Thị Thu Hà, Doanh nghiệp Việt Nam trước cơ hội và thách thức hội nhập cộng đồng kinh tế ASEAN, Tạp chí Con số và sự kiện, Tạp chí của Tổng cục Thống kê, Số 4/2016 (507).
9. Đinh Thế Hiển, Bản đồ đầu tư AEC trong năm 2016: Việt Nam đang “nằm” ở đâu, Diễn đàn doanh nghiệp 2016.